

# Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với kinh tế tỉnh Bắc Ninh

Không Văn Thắng\*

*Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, Số 8, Nguyễn Đăng Đạo,  
Phường Tiên An, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Nhận ngày 28 tháng 8 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 10 tháng 3 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 3 năm 2017

**Tóm tắt:** Năm 2015, bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn nhưng tỉnh Bắc Ninh vẫn là điểm sáng nhất của cả nước về thu hút nhiều dự án đầu tư nước ngoài. Bên cạnh nguồn vốn trong tỉnh đóng vai trò quyết định, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một trong những nguồn vốn quan trọng đối với Bắc Ninh. Bài viết đánh giá thực trạng thu hút FDI và những đóng góp tích cực mà nguồn vốn này mang lại cho tỉnh Bắc Ninh, từ đó đề xuất một số giải pháp quan trọng để tiếp tục thu hút FDI cho mục tiêu phát triển những năm tiếp theo.

*Từ khóa:* Vốn đầu tư nước ngoài, Bắc Ninh, kinh tế.

## 1. Dẫn nhập

Phát huy lợi thế về địa kinh tế, tiềm năng thế mạnh của tỉnh, ngay sau khi tái lập, Bắc Ninh đã thực hiện quy hoạch xây dựng và phát triển các khu công nghiệp (KCN), coi đây là khâu đột phá để đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp. Sau 19 năm xây dựng và phát triển, với hệ thống hạ tầng đồng bộ, các KCN Bắc Ninh đã chứng minh được năng lực vượt trội, đó là sức hút FDI liên tục tăng, đưa Bắc Ninh từ một tỉnh nông nghiệp vươn lên đứng tốp đầu toàn quốc về thu hút đầu tư.

## 2. Thực trạng thu hút FDI tại tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2011-2015

Trong giai đoạn 2011-2015, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư 438 dự án vào tỉnh Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm là 7,7594 tỷ USD, chiếm 16% tổng

vốn đầu tư đăng ký của cả nước và là địa phương đứng trong tốp đầu cả nước về thu hút vốn FDI. Đặc biệt, vốn thực hiện sau 5 năm đã tăng từ 1,549 tỷ USD lên 6,3345 tỷ USD, tức là tăng 4,7851 tỷ USD và chiếm 61,7% vốn đăng ký. Các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư chủ yếu vào 4 lĩnh vực của tỉnh Bắc Ninh, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút nhiều nhất với 352 dự án đầu tư đăng ký mới, chiếm 48,9% tổng dự án với số vốn tăng thêm là 7,797 tỷ USD; lĩnh vực bán buôn, bán lẻ đứng thứ hai với 19 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới 31,2 triệu USD; lĩnh vực xây dựng đứng thứ ba với 15 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký là 105,4 triệu USD... Lũy kế đến hết năm 2015, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 15 trên tổng số 21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó vốn đầu tư tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với 628 dự án, tổng vốn đầu tư 10,393 tỷ USD, chiếm 93,77% tổng vốn FDI đăng ký của tỉnh Bắc Ninh [1].

\*ĐT.: 84-982857009

Email: tkbnthang@gmail.com

Bảng 1. Số dự án đầu tư nước ngoài có hiệu lực  
và số vốn đăng ký tính đến ngày 31/12/2015

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm				
			2011	2012	2013	2014	2015
1	Lũy kế số dự án được cấp phép	Dự án	282	338	471	569	720
2	Tổng vốn đăng ký lũy kế	Triệu USD	3.323,6	4.676,3	6.195,7	7.509	11.083
3	Vốn thực hiện lũy kế	Triệu USD	1.549,4	2.407,1	3.640	4.758	6.334,5
4	Phân theo ngành kinh tế chủ yếu						
4.1	Công nghiệp chế biến, chế tạo						
	Số dự án lũy kế	Dự án	276	284	414	516	628
	Vốn đăng ký lũy kế	Triệu USD	2.596	4.214,7	5.604	7.251,1	10.393,1
4.2	Xây dựng						
	Số dự án lũy kế	Dự án	15	17	17	28	30
	Vốn đăng ký lũy kế	Triệu USD	50	99,6	99,6	151,4	157,4
4.3	Bán buôn, bán lẻ						
	Số dự án lũy kế	Dự án	3	6	9	15	22
	Vốn đăng ký lũy kế	Triệu USD	8	17,8	21,6	19,7	39,2
5	Phân theo nước đầu tư chủ yếu						
5.1	Hàn Quốc						
	Số dự án lũy kế	Dự án	86	122	232	309	436
	Vốn đăng ký lũy kế	Triệu USD	1.226,6	1.658	3.232	4.468,2	7.439,6
5.2	Nhật Bản						
	Số dự án lũy kế	Dự án	60	63	66	66	67
	Vốn đăng ký lũy kế	Triệu USD	773,7	930,6	1.027,6	1.027,7	1.072,6
5.3	Trung Quốc						
	Số dự án lũy kế	Dự án	30	35	48	55	59
	Vốn đăng ký lũy kế	Triệu USD	80,6	101,7	109,4	357,8	405,1

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, 2016 [2].

Phân theo đối tác đầu tư, tính đến nay, 29 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư vào địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Các nhà đầu tư Hàn Quốc dẫn đầu với 436 dự án và tổng vốn đầu tư 7.439,6 tỷ USD (chiếm 67,13% tổng vốn FDI đăng ký của tỉnh Bắc Ninh). Nhật Bản đứng thứ hai với 67 dự án và tổng vốn đầu tư 1.072,6 tỷ USD (chiếm 9,67% tổng vốn FDI đăng ký của

tỉnh Bắc Ninh). Trung Quốc đứng thứ ba với 59 dự án và tổng vốn đầu tư 405,1 triệu USD (chiếm 3,65 % tổng FDI đăng ký của tỉnh Bắc Ninh). Còn lại là nhà đầu tư đến từ các quốc gia khác như Đài Loan, Singapore, Phần Lan, Thái Lan... Dự án đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Bắc Ninh đến thời điểm hiện nay là dự án Công ty TNHH Samsung Display Bắc Ninh,

cấp phép ngày 21/6/2007 của nhà đầu tư Samsung Display Co., Ltd. (Hàn Quốc), với tổng vốn đầu tư đạt 1 tỷ USD. Dự án này chuyên sản xuất, lắp ráp gia công, tiếp thị hoặc bán các loại màn hình Smartphone... Đến tháng 8/2015, Công ty Samsung Display Việt Nam tiếp tục đầu tư thêm dự án mới với số vốn đầu tư tăng thêm là 3 tỷ USD, nâng quy mô và vốn đầu tư của Samsung Display tại Bắc Ninh lên 4 tỷ USD. Samsung Display trở thành dự án có quy mô vốn đầu tư lớn nhất của Tập đoàn Samsung tại Việt Nam và đưa Samsung trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Đứng thứ hai là dự án Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam cấp phép ngày 25/3/2008 của nhà đầu tư Samsung Electronics Asia Holding Pte. Ltd. (Singapore), với tổng vốn đầu tư lên tới 2,5 tỷ USD.

### 3. Đóng góp của dòng vốn FDI đối với kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh

#### 3.1. Thúc đẩy tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của tỉnh

Khu vực kinh tế có vốn FDI của tỉnh Bắc Ninh đã trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, góp phần tích cực vào điểm phần trăm tăng trưởng GDP trong những năm gần đây. Bình quân giai đoạn 2010-2015, tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh đạt 17%/năm, tăng cao gấp 3,19 lần so với bình quân cả nước (5,28%). Tỷ lệ đóng góp của khu vực kinh tế FDI trong GDP toàn tỉnh tăng dần qua các năm, nếu như năm 2010 là 36,5%, năm 2011 tăng lên 47,3% (tăng 10,8 điểm phần trăm), năm 2012 đạt 51,6%, năm 2014 đạt 60,4% và đến năm 2015 đạt đến 61,1% (Bảng 2).

Bảng 2. Đóng góp của khu vực kinh tế FDI đối với GDP tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2010-2015

	Năm						Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010-2015 (%)
	2010	2011	2012	2013	2014	2015	
Tổng số	45.716,0	59.041,0	67.834,0	97.149,0	92.206,0	100.241,0	117,0
Tốc độ tăng trưởng	129,147	129,147	114,893	143,216	94,912	108,714	x
Nhà nước	4.935,0	5.028	5.544	4.721	5.010	5.418	101,9
Ngoài nhà nước	20.921,0	22.274	21.993	23.752	25.708	27.920	105,9
Khu vực kinh tế có vốn FDI	16.685,0	27.908	35.011	63.153	55.650	61.228	129,7
Thuế sản phẩm	3.175,0	3.831	5.286	5.523	5.838	5.675	112,3
Cơ cấu	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
Nhà nước	10,8	8,5	8,2	4,9	5,4	5,4	x
Ngoài nhà nước	45,8	37,7	32,4	24,4	27,9	27,9	x
Khu vực kinh tế có vốn FDI	36,5	47,3	51,6	65,0	60,4	61,1	x
Thuế sản phẩm	6,9	6,5	7,8	5,7	6,3	5,7	x

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, 2016 [2].

### 3.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, thúc đẩy tăng trưởng sản xuất công nghiệp

Có thể khẳng định FDI là một nhân tố quan trọng đóng góp rất lớn vào chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng công nghiệp hóa ở tỉnh Bắc Ninh, tỷ trọng công nghiệp so với GRDP ngày càng tăng, cụ thể: Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực kinh tế vốn FDI năm 2010 đạt 68.803 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), chiếm 48,4%; năm 2012 đạt 322.722 tỷ đồng, chiếm 79,2%; năm 2014 đạt 513.469 tỷ đồng, chiếm 84,0%; năm 2015 đạt 580.495 tỷ đồng, chiếm 84,2% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; bình quân giai đoạn 2010-2015 công nghiệp có vốn FDI của tỉnh Bắc Ninh tăng 53,2%/năm, cao hơn bình quân trung toàn ngành của tỉnh 16,1%, toàn tỉnh là 37,1%/năm.

Nhìn chung, FDI đã xuất hiện ở tất cả các ngành, nhưng tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Nếu như năm 2010, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 111.037 tỷ đồng, chiếm 78,2% tổng giá trị sản xuất toàn ngành thì đến năm 2015 giá trị sản xuất của ngành này đạt 642.706 tỷ đồng, chiếm 93,3% và bình quân giai đoạn 2010-2015 tăng 42,1%/năm.

Trong giai đoạn đầu của quá trình thu hút FDI, dòng vốn đầu tư nước ngoài hướng vào các ngành công nghiệp khai thác và thay thế nhập khẩu. Tuy nhiên, xu hướng này đã thay đổi kể từ năm 2000 đến nay. Theo đó, các dự án vốn FDI vào ngành công nghiệp chế biến và định hướng xuất khẩu tăng nhanh, góp phần tăng tổng kim ngạch xuất khẩu và chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu của Bắc Ninh. Qua các thời kỳ, định hướng thu hút FDI trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng tuy có thay đổi về lĩnh vực, sản phẩm cụ thể nhưng cơ bản vẫn theo định hướng khuyến khích sản xuất vật liệu mới, sản phẩm công nghệ cao, công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, thiết bị cơ khí chính xác, sản xuất sản phẩm và linh kiện điện tử... Đây cũng chính là các dự án có khả năng tạo giá trị gia tăng cao và Bắc Ninh có lợi thế so sánh khi thu hút FDI.

### 3.3. Tăng kim ngạch xuất khẩu và giải quyết việc làm cho người lao động trong tỉnh

Sự gia tăng FDI đã làm xuất hiện nhiều sản phẩm công nghiệp và dịch vụ mới, đóng góp trực tiếp đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và cơ cấu hàng xuất khẩu của tỉnh Bắc Ninh, ví dụ như các sản phẩm thiết bị điện, điện tử, linh kiện.

Bảng 3. Xuất khẩu của khu vực kinh tế có vốn FDI đối với tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2010-2015

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm					
		2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh	Triệu USD	2.451	7.757	15.041	26.283	21.975	23.274,1
+ Giá trị xuất khẩu khu vực FDI	Triệu USD	2.357	7.509	14.911	26.072	21.826	23.130,6
+ Cơ cấu	%	96,2	96,8	99,1	99,2	99,3	99,4
<i>Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực</i>							
Hàng dệt may	Triệu USD	108,7	159,8	162,1	189,5	241,8	155,5
Hàng điện tử	Triệu USD	1.550,8	6.206,2	13.173,8	23.866,3	19.925,8	20.207,1
Máy tính và linh kiện	Triệu USD	9,4	15,4	18,3	45,7	181,6	80,1
Dây điện và cáp điện	Triệu USD	9,3	11,1	14,3	32,8	17,1	8,7
Sản phẩm từ Plastic	Triệu USD	3,0	3,1	2,9	19,5	65,5	30,3

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, 2016 [2].

Xuất khẩu của khu vực kinh tế có vốn FDI tăng nhanh, năm 2010 kim ngạch xuất khẩu khu vực có vốn FDI đạt 2.357 triệu USD, chiếm 96,2% kim ngạch xuất khẩu của cả tỉnh; năm 2012 đạt 14.911 triệu USD, chiếm 99,1%; năm 2014 đạt 21.862 triệu USD, chiếm 99,3% và đến hết năm 2015 đạt trên 23.131 triệu USD, chiếm 99,4%. Các mặt hàng chủ lực của khu vực kinh tế có vốn FDI có mức xuất khẩu lớn gồm hàng điện tử, máy tính và linh kiện, hàng dệt may, dây điện và cáp điện, trong đó hàng điện tử chiếm giá trị lớn nhất trong các hàng hóa xuất khẩu của tỉnh Bắc Ninh [3].

### 3.4. Tăng thu ngân sách và giải quyết việc làm cho người lao động trong tỉnh Bắc Ninh

Khu vực kinh tế có vốn FDI đóng góp ngày càng lớn vào nguồn thu ngân sách của tỉnh Bắc Ninh: năm 2010 đạt 2.120 tỷ đồng, chiếm 34,8%; năm 2012 đạt 3.823 tỷ đồng, chiếm 40,5%; năm 2014 đạt 4.000 tỷ đồng, chiếm 32,2%; năm 2015 đạt 4.500 tỷ đồng, chiếm 31,5% tổng thu ngân sách toàn tỉnh.

Số nộp ngân sách khu vực có vốn FDI tăng nhanh qua từng năm, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Bình quân mỗi năm tỉnh đào tạo việc làm mới cho trên 26 nghìn lao động, thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh đến hết năm 2015 đạt trên 42 triệu đồng/người/năm.

### 3.5. Nguyên nhân của các kết quả

Có được các kết quả trên trước tiên phải kể đến khâu đột phá của tỉnh Bắc Ninh là cải cách hành chính. Thời gian qua, tỉnh Bắc Ninh không ngừng nỗ lực thực hiện đồng bộ công tác cải cách hành chính, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, bước đột phá trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương nhằm góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh liên tục đạt ở mức tốt: năm 2010 đạt 64,48 điểm, xếp thứ 6; năm 2011 đạt 67,27 điểm, xếp thứ 2; năm 2012 đạt 62,26 điểm, xếp thứ 10; năm 2013 đạt 61,07 điểm, xếp thứ 12; năm 2014 đạt 60,92 điểm, xếp thứ 10 cả nước và thứ 3 trong vùng; năm 2015 đạt 59,91 điểm, chỉ còn xếp thứ 13 toàn quốc song vẫn duy trì xếp thứ 3 của vùng, tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (Hình 1) [5].



Hình 1. Điểm số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và thứ hạng của Bắc Ninh so với cả nước.  
Nguồn: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI, 2016 [6].

Công tác cải cách hành chính được triển khai đồng bộ, hiệu quả cả về cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành công tác cải cách hành chính đã thu được những kết quả khả quan, được các cấp, ngành, đơn vị và cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận, đánh giá cao. Điển hình trong cải cách thủ tục hành chính là thực hiện nghiêm túc việc rà soát các thủ tục hành chính và thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ liên quan đến các thủ tục hành chính; kiểm soát chặt chẽ và thực hiện nghiêm túc các thủ tục được công bố công khai, đồng thời nghiên cứu, đề nghị cắt giảm tối đa các thủ tục không cần thiết; công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của ngành trên cổng thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong đó ưu tiên việc cắt giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính so với quy định; bước đầu thực hiện thành công việc đăng ký kinh doanh qua mạng... Bên cạnh đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư cũng thường xuyên chỉ đạo rà soát, nâng cao chất lượng hỗ trợ, phục vụ doanh nghiệp, phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết kịp thời vướng mắc cho doanh nghiệp; tăng cường đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp và nhân dân, mở rộng dân chủ, phát huy vai trò của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng thể chế...

## 4. Một số hạn chế và đề xuất giải pháp

### 4.1. Một số hạn chế

*Một là*, chất lượng dòng FDI vào tỉnh chưa cao, vẫn nặng về thâm dụng nhân công giá rẻ để sinh lợi. Đa số các dự án đầu tư nước ngoài thuộc lĩnh vực sản xuất các sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh đều phải nhập khẩu linh phụ kiện, thiết bị từ nước ngoài để lắp ráp nên giá trị gia tăng trong sản phẩm thấp và chủ yếu gia tăng từ nguồn nhân công giá rẻ. Điều này cho thấy phát triển công nghiệp phụ trợ của tỉnh còn ở mức rất thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Doanh thu hàng năm của các doanh nghiệp vốn FDI rất lớn và liên tục có xu hướng tăng qua từng năm song đóng góp cho ngân sách so với doanh thu rất thấp, thậm chí không bằng doanh nghiệp dân doanh trong nước, cụ thể: Năm 2010, tỷ lệ nộp ngân sách so với doanh thu của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài Bắc Ninh là 3,61% (trong khi doanh nghiệp dân doanh nộp ngân sách 3,23%); đến năm 2014, tỷ lệ này giảm chỉ còn 1,25% [7].

*Hai là*, hoạt động chuyển giao công nghệ diễn ra rất chậm và không rõ nét, rất nhiều doanh nghiệp có vốn FDI vào tỉnh Bắc Ninh gần 20 năm nay nhưng tỷ lệ nội địa hóa không đáng kể, thậm chí là không có; nhiều dự án hoạt động không hiệu quả đã bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư. Một số doanh nghiệp liên tục báo thua lỗ. Theo kết quả điều tra, năm 2010 có 66 doanh nghiệp FDI làm ăn thua lỗ với số tiền 622,4 tỷ đồng; năm 2014 có 196 doanh nghiệp có vốn FDI làm ăn thua lỗ với số tiền 2.028,9 tỷ đồng [8]. Ngoài ra, hiện tượng chuyển giá để báo lỗ đã xuất hiện ở một số doanh nghiệp vốn FDI tỉnh Bắc Ninh với mức độ ngày càng tinh vi.

*Ba là*, tình trạng tranh chấp lao động và đình công vẫn xảy ra; tình trạng công nhân bỏ các doanh nghiệp dân doanh chạy sang các doanh nghiệp có vốn FDI khá phổ biến; thu nhập của người lao động trong các doanh nghiệp vốn FDI có sự chênh lệch rất lớn giữa cán bộ quản lý và công nhân lao động trực tiếp,

tạo ra sự phân hóa ngày càng rõ nét giữa các tầng lớp lao động trong doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp nợ lương, thưởng và phổ biến nhất là nợ đọng bảo hiểm xã hội nhiều năm, sau đó bỏ trốn gây hoang mang và thiệt hại cho người lao động. Ngoài ra, do mở rộng và phát triển nhiều khu công nghiệp nên một lượng lớn lao động nhập cư đổ về tỉnh Bắc Ninh thuê trọ ở xung quanh các khu công nghiệp, kéo theo hệ lụy về ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội..., gây ảnh hưởng không tốt đến môi trường đầu tư.

Nguyên nhân của những hạn chế là do việc thu hút FDI trong những năm qua còn chạy theo lượng vốn đăng ký mà chưa chú trọng đến hiệu quả của dòng vốn. Hệ thống chính sách pháp luật về đầu tư còn chông chéo, thay đổi nhanh, thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán. Công tác hậu kiểm dự án FDI chưa được tiến hành thường xuyên, trong khi sự phối hợp giữa các Sở, ngành ở địa phương và giữa địa phương với Trung ương vẫn chưa chặt chẽ. Hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu kém, chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư, đặc biệt là hệ thống cấp điện, nước, hệ thống đường giao thông, hệ thống cơ sở hạ tầng trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp...

### 4.2. Đề xuất giải pháp

*Một là*, Bắc Ninh cần lựa chọn các dòng vốn đầu tư, lĩnh vực ưu tiên thu hút FDI theo định hướng “sử dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản, đất đai”. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp phụ trợ dần thay thế nhập khẩu linh phụ kiện, thiết bị từ nước ngoài để lắp ráp nhằm tạo giá trị gia tăng cao trong sản phẩm, nâng cao giá trị đóng góp cho ngân sách.

*Hai là*, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư sau cấp phép, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật chuyên ngành như thuế, bảo hiểm xã hội đối với các doanh nghiệp có vốn FDI, tránh trốn thuế, chuyển giá và nợ đọng bảo hiểm xã hội, trốn đóng bảo hiểm xã hội gây thiệt thòi

cho người lao động; tiến hành rà soát, phân loại và xử lý theo quy định của pháp luật đối với các dự án chậm triển khai hoặc không triển khai thực hiện.

*Ba là*, thường xuyên kiểm tra công tác tuyển dụng và sử dụng lao động, chế độ tiền lương và các phúc lợi khác ghi trong hợp đồng lao động theo Luật Lao động, tránh tình trạng tranh chấp lao động, nợ lương, chậm lương dẫn đến đình công. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục công nhân về tác phong lao động công nghiệp, tránh tình trạng công nhân bỏ doanh nghiệp này chạy sang các doanh nghiệp khác. Tăng cường công tác an ninh trật tự, vệ sinh môi trường trong và ngoài khu công nghiệp tập trung.

*Bốn là*, tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, đầu mối trung tâm là Bộ phận một cửa của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, đơn giản hóa các thủ tục đầu tư, xây dựng, thúc đẩy nhanh việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Coi trọng và thường xuyên chỉ đạo làm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, bộ trí, sắp xếp bộ máy tổ chức khoa học và nhất là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước và tạo thuận lợi nhất cho nhà đầu tư.

*Năm là*, có cơ chế chính sách hỗ trợ, ưu đãi như hỗ trợ về giải phóng mặt bằng, hỗ trợ nhà đầu tư cung ứng và đào tạo lao động. Đối với các dự án có quy mô lớn, sử dụng công nghệ cao, ngoài các ưu đãi theo quy định chung của Chính phủ, nhà đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ xây dựng cơ chế hỗ trợ ưu đãi đặc thù trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận... Tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng: giao thông, điện, nước, xây dựng các khu nhà ở cho công nhân, trường học cho con em công nhân, đẩy mạnh công tác xử lý rác nước thải và rác thải; chú trọng các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông, cung cấp phần mềm và giải pháp, nghiên cứu và phát triển... Giai đoạn 2020-2030 và tầm nhìn

2030-2050 sẽ điều chỉnh nâng dần tỷ trọng vốn FDI trong ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

*Sáu là*, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cần nâng cao chất lượng công tác thẩm tra, thẩm định cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư. Việc cấp giấy chứng nhận đầu tư phải đảm bảo các yêu cầu như: Sự phù hợp của lĩnh vực đầu tư đối với hệ thống quy hoạch của tỉnh Bắc Ninh, quy hoạch vùng, quy hoạch phát triển ngành...; hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án phải bằng hoặc cao hơn hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, công nghệ sử dụng trong dự án phải là công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi trường... Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá tác động môi trường của các doanh nghiệp có vốn FDI, nghiêm cấm xả thải chưa qua xử lý thẳng ra môi trường.

*Bảy là*, tỉnh Bắc Ninh cần thường xuyên gặp mặt đối thoại với các nhà đầu tư và đại diện các tổ chức quốc tế đang hoạt động trên địa bàn, có danh mục các dự án cần thu hút, các chính sách ưu đãi của tỉnh; công bố về quy hoạch thu hút đầu tư vào lĩnh vực mà Bắc Ninh có thể mạnh tiềm năng về tài nguyên và lao động để các nhà đầu tư có cơ hội lựa chọn. Trong công tác xúc tiến đầu tư, tập trung vào các thị trường lớn, tiềm năng như châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư. Chú trọng các hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ theo định hướng tiết kiệm, hiệu quả. Tăng cường công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Không Văn Thắng, “Thực trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam”, Tạp chí Đại học Cửu Long, 1 (2006), 44-51.
- [2] Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, Niên giám Thống kê năm 2016, NXB. Thống kê, Hà Nội, 2016.
- [3] Không Văn Thắng, “Đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu ở tỉnh Bắc Ninh”, Tạp chí Khoa học Đại học Huế, 8 (2013), 86-94.

- [4] Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, Bắc Ninh số liệu thống kê chủ yếu thời kỳ 2010-2015. NXB. Thống kê, Hà Nội, 2015.
- [5] Khổng Văn Thắng, “Kinh nghiệm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh thành phần: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh”, Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế Xã hội - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 98 (2014), 41-49.
- [6] VCCI, Báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 2016.
- [7] Khổng Văn Thắng, “Đề phát triển bền vững các Khu công nghiệp tập trung ở tỉnh Bắc Ninh”, Tạp chí Lý luận Chính trị, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, 9 (2013), 57-60.
- [8] Khổng Văn Thắng, “Sử dụng mô hình SWOT nhằm tìm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất - nhập khẩu nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh”, Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 28 (2013), 45-53.

## Effects of Foreign Direct Investment on Bac Ninh Province’s Economy

Khong Van Thang

*Bac Ninh Statistical Office, No. 8, Nguyen Dang Dao Str.,  
Tien An Ward, Bac Ninh City, Bac Ninh Province, Vietnam*

**Abstract:** In 2015, though the world and the country’s economy still had many difficulties, Bac Ninh province was the brightest highlight in attracting foreign direct investment capital inflows. In addition to its own capitals, the foreign direct investment capital plays an important role for Bac Ninh province. The paper describes the foreign direct investment capital attraction and the positive contributions that the foreign direct investment capital inflows have made to Bac Ninh province. The paper also proposes some measures for Bac Ninh to further attract foreign direct investment capitals for its development goals in the coming years.

*Keywords:* FDI, economy, Bac Ninh.